

CUỘC HỌP GIỮA ỦY BAN KINH TẾ QUỐC HỘI & DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Thời gian: 8:30 – 11:30, Thứ Năm, ngày 3 tháng 10 năm 2024

Địa điểm: Phòng họp Hoa Mai, tầng 1, toà nhà Quốc hội, 01 Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN

1. Phát biểu khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự

Ông Nguyễn Đình Việt, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế Quốc hội (UBKTQH)

Ông Michael Nguyễn, Đồng Chủ tịch VBF

2. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 và triển vọng kinh tế - xã hội năm 2025 (20 phút)

Ông Hong Sun, Phó Chủ tịch VBF và các đại diện VBF

PHẢN HỒI CỦA UBKTQH

3. Đề xuất sửa đổi một số luật quan trọng trong lĩnh vực kinh tế

3.1. Luật Chứng khoán (15 phút)

NCT Thị trường Vốn (Ông Kiên Nguyễn & Bà Lê Thị Lệ Hằng, Thành viên Ban Quản trị Nhóm)

3.2. Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp (15 phút)

NCT Đầu tư & Thương mại (Ông Seck Yee Chung & Ông Trần Anh Đức, Đồng Trưởng Nhóm)

3.3. Luật PPP và Luật Đấu thầu (15 phút)

NCT Cơ sở hạ tầng (Ông Trần Tuấn Phong, Đồng Trưởng Nhóm)

PHẢN HỒI CỦA UBKTQH

4. Kết thúc cuộc họp

Ông Nguyễn Đình Việt, Phó Chủ nhiệm UBKTQH

Ông Michael Nguyễn, Đồng Chủ tịch VBF

Trang 1 / 2

THÀNH PHẦN THAM DỰ CỦA VBF

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Công ty/ Tổ chức |
|-----|-----------------------|--|------------------------------|
| 1. | Michael Vũ Nguyễn | Đồng Chủ tịch VBF | Boeing |
| 2. | Nitin Kapoor | Phó Chủ tịch VBF | AstraZeneca |
| 3. | Hong Sun | Phó Chủ tịch VBF | HSDC Group |
| 4. | Stuart Livesey | Thành viên Ban Lãnh đạo VBF | Copenhagen Offshore Partners |
| 5. | Seck Yee Chung | Thành viên Ban Lãnh đạo VBF | Baker & McKenzie |
| 6. | Christopher Jeffery | Thành viên Ban Lãnh đạo VBF | BUV |
| 7. | Hidetoshi Suzuki | Thành viên Ban Lãnh đạo VBF | Mitsubishi Corp. |
| 8. | Phạm Ngọc Thạch | Thành viên Ban lãnh đạo VBF | VCCI |
| 9. | Shiro Muto | Chủ tịch JCCI | Nishimura & Asahi |
| 10. | Virginia B. Foote | Thành viên Ban Lãnh đạo AmCham | Bay Global Strategies |
| 11. | Susumu Yoshida | Tổng thư ký JCCI | JCCI |
| 12. | Natalie Fairlie | Phó Chủ tịch AusCham | Ascending Strategies |
| 13. | Wonsik Son | Thành viên Ban Lãnh đạo KoCham | Sungshin Advisory |
| 14. | Trần Anh Đức | Đồng Trưởng nhóm NCT Đầu tư và Thương mại | A&O Shearman |
| 15. | Trần Tuấn Phong | Đồng Trưởng nhóm NCT Cơ sở hạ tầng | VILAF |
| 16. | Vũ Thị Thu Hương | Trưởng nhóm NCT Thuế & Hải quan | E&Y |
| 17. | Kojima Masao | Trưởng nhóm NCT Ngân hàng | MUFG |
| 18. | Kiên Nguyễn | Thành viên BQT NCT Thị trường Vốn | Dragon Capital |
| 19. | Nguyễn Khắc Hải | Thành viên NCT Thị trường Vốn | SSI |
| 20. | Phan Thị Hồng Thuý | Trưởng Ban Pháp lý & Tuân thủ, NCT Ngân hàng | MUFG |
| 21. | Takuya Sahashi | Đại diện JCCI | Mitsubishi Corp. |
| 22. | Nguyễn Hoàng Minh | Luật sư cấp cao | A&O Shearman |
| 23. | Nguyễn Thị Hồng Hà | Luật sư | Yulchon Lawfirm |
| 24. | Uyên Nguyễn | Ban thư ký VBF | |
| 25. | Nguyễn Ngọc Anh | Ban thư ký VBF | |
| 26. | Dương Thị Thanh Huyền | Ban thư ký VBF | |



BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TẠI CUỘC HỌP VỚI ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI

I. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2024

1. Tổng quan về tình hình kinh tế xã hội:

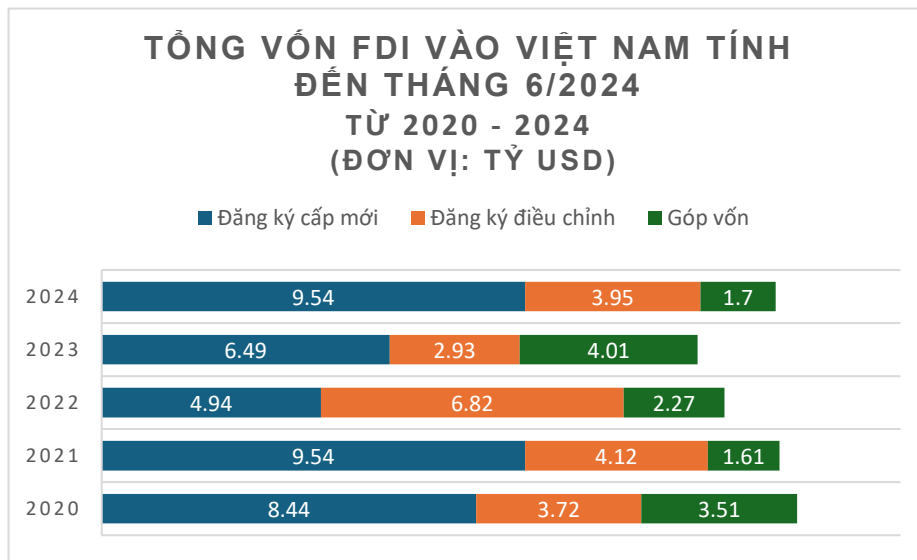
- **Tốc độ tăng trưởng GDP trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 6,42%**, vượt chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ. Nếu duy trì được đà phục hồi này trong các quý cuối năm, tăng trưởng GDP cả năm có thể đạt mục tiêu 6,5%.
- **Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP:** Trong 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực FDI đóng góp 136,69 tỷ USD, chiếm khoảng 72% tổng kim ngạch xuất khẩu.

[Nguồn: Tổng Cục Thống kê]

2. Đánh giá môi trường đầu tư:

2.1. Môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện, thể hiện ở mức tăng ổn định của dòng vốn FDI, điều này khẳng định niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam. Cụ thể:

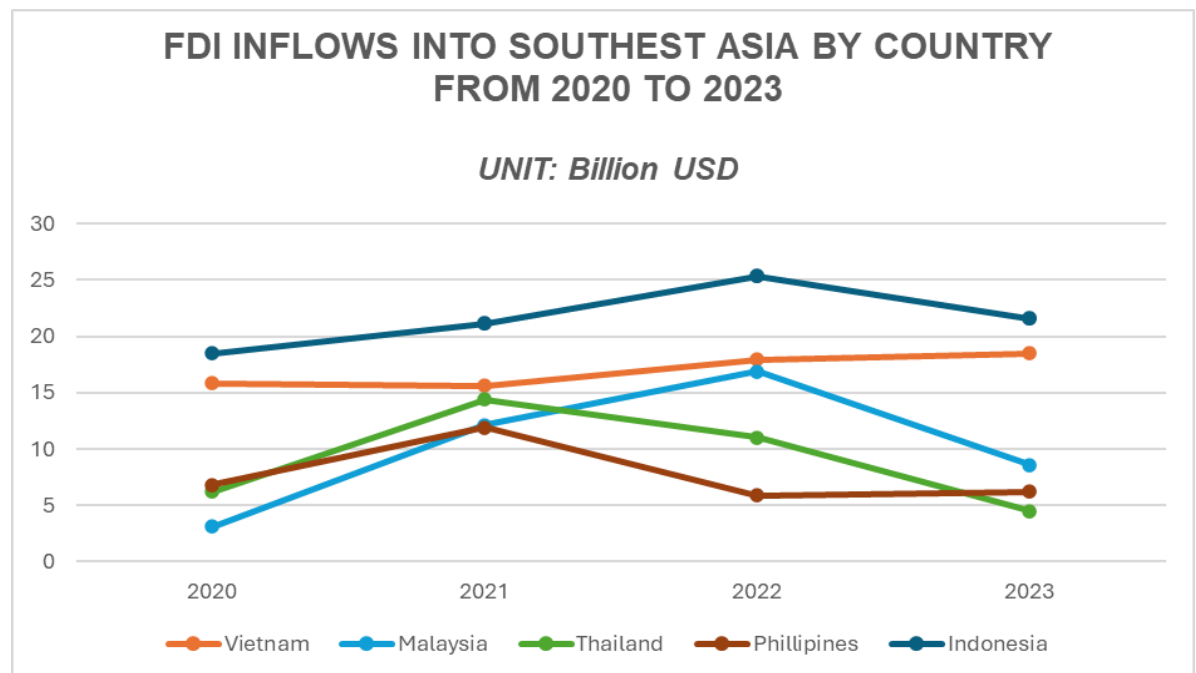
- ✓ Tổng vốn FDI vào Việt Nam tính đến tháng 6/2024 (bao gồm đăng ký cấp mới, đăng ký điều chỉnh và góp vốn) đạt gần 15,19 tỷ USD, **tăng 13%** so với cùng kỳ năm ngoái.



- ✓ **Đáng chú ý, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức cao nhất cho giai đoạn nửa đầu năm trong 5 năm qua.**
- ✓ Trong 6 tháng qua, FDI tập trung vào các lĩnh vực sau:
 - Chế biến chế tạo (*chiếm gần 80% tổng vốn FDI thực hiện*)
 - Các hoạt động kinh doanh bất động sản

- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí
- ✓ Một số dự án lớn trong lĩnh vực công nghệ cao, chất bán dẫn, năng lượng và linh kiện điện tử đã nhận được khoản đầu tư mới và đầu tư mở rộng. Các lĩnh vực mới như phát triển trung tâm dữ liệu cũng đang được các nhà đầu tư lớn xem xét.
- ✓ So sánh với một số quốc gia trong khu vực:

Dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển tại châu Á đã giảm 8% xuống còn 621 tỷ USD, theo Báo cáo Đầu tư Thế giới năm 2024 của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD). Tuy nhiên, dòng vốn FDI vào Việt Nam luôn duy trì xu hướng tăng trong các năm vừa qua.



Source: <https://unctad.org/publication/world-investment-report-2024>

2.2. Chính sách đầu tư

- ✓ Nhiều luật, nghị định và thông tư đang được đưa ra thảo luận, dự kiến khoảng 30 luật sẽ được sửa đổi tại các kỳ họp Quốc hội 2024-2025. Việc triển khai cách tiếp cận “**một luật sửa đổi nhiều luật**”, tức là sửa đổi nhiều luật liên quan dựa trên một khung duy nhất, nhằm giải quyết những thách thức còn tồn đọng cũng như các vấn đề chồng chéo mà các kỳ họp trước chưa thể giải quyết triệt để thông qua những sửa đổi rời rạc. Cách tiếp cận này dự kiến sẽ mang lại nhiều thay đổi tích cực cho bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian tới.
- ✓ **Việc thực thi một số luật mới tác động đáng kể đến khu vực FDI:**
 - **Năng lượng:**
 - Cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) hiện tại đã giúp các đơn vị phát điện năng lượng tái tạo, ví dụ nhà máy điện chuyển tiếp, có thể giải tỏa công suất thông qua hình thức DPPA kết nối đường dây trực tiếp với khách hàng, thay vì

chỉ có thể bán cho EVN như trước đó. Tuy nhiên, việc mua bán điện trực tiếp thông qua lưới điện quốc gia có thể chưa triển khai ngay được trong bối cảnh Thông tư về thị trường điện thay thế Thông tư 45 và Luật Điện lực vẫn đang được sửa đổi và chưa ban hành.

- Về chính sách phát triển điện gió, chúng tôi ghi nhận việc Chính phủ đã có những thông tin rõ hơn về cơ chế thí điểm điện gió ngoài khơi. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, việc giao cho EVN và PVN triển khai dự án thí điểm có thể gặp những khó khăn nhất định khi các doanh nghiệp này chưa có đủ kinh nghiệm phát triển dự án trong lĩnh vực này, trong khi có những chủ đầu tư nước ngoài có kinh nghiệm đang mong muốn những cơ chế cụ thể và thiết thực cho phép họ đầu tư vào dự án, hoặc hợp tác với doanh nghiệp trong nước phát triển dự án.
- Chúng tôi hiểu rằng việc sửa đổi Luật Điện lực không phải do Ủy ban Kinh tế phụ trách, tuy nhiên, chúng tôi muốn trình bày một số điểm như sau, hy vọng sẽ hữu ích cho kỳ họp Quốc hội sắp tới vào tháng 10:
 - o Đối với các dự án quy mô lớn và các lĩnh vực mới như điện gió ngoài khơi, chúng tôi khuyến nghị áp dụng các cơ chế đặc biệt, chẳng hạn như miễn việc bổ sung dự án vào Quy hoạch phát triển điện quốc gia, nếu dự án thí điểm đã được phê duyệt thông qua trong Nghị quyết của Quốc hội hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - o Ngoài ra, chúng tôi đề xuất miễn áp dụng khung giá bán điện cho các dự án này để tạo điều kiện cho dự án huy động vốn và tăng tính linh hoạt cho các nhà đầu tư. Chúng tôi cũng khuyến nghị xem xét lại các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần hoặc góp vốn trong các dự án điện gió ngoài khơi, chỉ cần hạn chế chuyển nhượng trước ngày đưa vào vận hành thương mại là đã đủ đảm bảo trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ đầu tư, không cần phải hạn chế đến khi dự án đã vận hành và phát điện.
 - o Bộ Công Thương đang rà soát lại Quy hoạch Điện 8 để xem xét sửa đổi quy hoạch nhằm đảm bảo việc cung ứng điện, đặc biệt với tình hình một số dự án đang bị chậm tiến độ. Từ quan điểm của chủ đầu tư / đơn vị phát triển dự án, chúng tôi tin rằng trong ngắn hạn, các chính sách phát triển nguồn năng lượng phân tán, chẳng hạn như điện mặt trời trên mái nhà phục vụ tiêu thụ tại chỗ và việc tích hợp hệ thống lưu trữ năng lượng, là rất quan trọng. Các nguồn năng lượng này có thể làm giảm đáng kể áp lực lên lưới điện quốc gia và có thêm thời gian cho phát triển lưới điện. Do đó, việc ban hành Nghị định về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu là rất cần thiết. Sau khi Nghị định được ban hành, chúng tôi cho rằng bước tiếp theo là phát triển các tiêu chuẩn kết nối và liên lạc cho hệ thống điện mặt trời mái nhà quy mô lớn với các đơn vị điều độ. Về mặt dài hạn, việc sửa đổi quy hoạch điện quốc gia nên xem xét tăng công suất cho điện mặt trời trên mái nhà phục vụ tiêu thụ tại chỗ để tận dụng được nguồn năng lượng có sẵn này.

- **Luật các Tổ chức tín dụng**

Sự ra đời của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 không chỉ đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc củng cố nền tảng pháp lý mà còn có tác động không nhỏ đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực từ 1/7/2024 với những sửa đổi nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro và tăng tính ổn định của ngành ngân hàng, được kỳ vọng sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài cho thị trường tài chính, ngân hàng. Điều này được thể hiện thông qua:

- Thứ nhất, Luật các tổ chức tín dụng đặt ra những yêu cầu chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát tốt hơn tỷ lệ sở hữu trong các tổ chức tín dụng như:
 - (i) mở rộng định nghĩa “người có liên quan” nhằm ngăn chặn việc thao túng hoạt động của các tổ chức tín dụng;
 - (ii) yêu cầu khai báo thông tin về cổ đông nắm giữ từ 1% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; và
 - (iii) giám tỷ lệ sở hữu cổ phần (kể cả sở hữu gián tiếp) của cổ đông tổ chức. Những quy định này sẽ hạn chế tình trạng sở hữu chéo và có ý nghĩa lớn trong việc quản lý và điều hành hệ thống ngân hàng hoạt động ổn định, minh bạch và tiệm cận với các quy định quốc tế, giúp thị trường tài chính ngân hàng trở nên hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài hơn;
- Ngoài ra Luật các tổ chức tín dụng quy định cụ thể các trường hợp Ngân hàng Nhà nước có thể quyết định áp dụng các biện pháp can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng cũng như quy định các hoạt động tổ chức tín dụng phải là và không được làm khi bị áp dụng biện pháp can thiệp sớm.

Tóm lại, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đã đặt nền móng cho sự minh bạch, quản trị rủi ro hiệu quả và tiệm cận hơn với các chuẩn mực quốc tế, góp phần thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, Luật Các tổ chức tín dụng cũng đặt ra nhiều thách thức cho đầu tư nước ngoài:

- *Việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thắt chặt lại giới hạn cấp tín dụng theo lộ trình có thể tạo ra khó khăn lớn cho các khách hàng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khách hàng của Khối ngân hàng nước ngoài thông thường là các doanh nghiệp đầu tư vốn nước ngoài trực tiếp tại Việt Nam. Những doanh nghiệp này có công ty mẹ hoạt động tại nước sở tại và đã xây dựng mối quan hệ tín dụng lâu đời với các ngân hàng nước ngoài tại nước sở tại. Do vậy, khi thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, ngoài số vốn rót vào Việt Nam, khối doanh nghiệp này có nhu cầu vốn vay trong nước để phục vụ hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam, và theo thông lệ, họ tiếp cận với khối ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để vay vốn hoặc xin cấp tín dụng. Việc này là phù hợp và thuận lợi cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vì ngoài việc chứng minh khả năng hoạt động và trả nợ của doanh nghiệp tại Việt Nam, họ có thể sử dụng bảo lãnh/cam kết/uy tín của công ty mẹ cho khoản cấp tín dụng tại Việt Nam. Khi đánh giá rủi ro tín dụng của nhóm khách hàng này, các ngân hàng nước ngoài đánh giá riêng biệt đối với doanh nghiệp tại Việt Nam và tổng thể đối với công ty mẹ để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng. Rủi ro tín dụng đối với khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài và nhóm khách hàng có liên quan là không quá lớn. Khối khách hàng này khó có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng của ngân hàng trong nước, do không có mối quan hệ tín dụng từ trước, ngoài ra do mới thành lập và hoạt động tại Việt Nam nên chưa có kết quả hoạt động tốt để chứng minh về khả năng tín dụng với ngân hàng trong nước. Do vậy, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thông thường sẽ tiếp cận các ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để đáp*

ứng nhu cầu vốn cho hoạt động của mình. Nếu giới hạn cấp tín dụng bị thắt chặt, các doanh nghiệp này sẽ gặp khó khăn trong việc đảm bảo vốn cần thiết cho hoạt động của mình.

- **Thuế tối thiểu toàn cầu:**

Công ty BOT điện

Hiện nay một số dự án điện BOT tại Việt Nam được đầu tư bởi các Tập đoàn đa quốc gia có quy mô doanh thu từ 750tr EUR trở lên. Vì vậy, các Công ty BOT cũng trở thành đối tượng áp dụng của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu. Trong khi các dự án BOT hầu hết hoạt động trên cơ sở vốn vay, vì vậy, khi áp dụng QDMTT sẽ bị ảnh hưởng lớn về dòng tiền. Trong khi đó, nhiều dự án BOT được Chính phủ bảo lãnh thanh toán, cam kết ổn định chính sách, và áp dụng cơ chế bồi thường trong trường hợp có những thay đổi luật bất lợi. Do đó, Chính phủ cần lưu ý vấn đề này để có phương án hài hòa lợi ích của các bên và đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam.

Tiến độ ban hành Nghị định

Nghị quyết 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2023. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024, áp dụng từ năm tài chính 2024. Tuy nhiên, tới nay đã gần kết thúc năm 2024, Chính phủ vẫn chưa công bố Nghị định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 107. Rất nhiều các doanh nghiệp là công ty con của các tập đoàn đa quốc gia đang lo lắng về việc thực hiện và tuân thủ Nghị quyết 107 như thế nào. Chính phủ đẩy nhanh tiến độ soạn thảo và ban hành Nghị định sớm nhất để doanh nghiệp có thể chủ động, kịp thời chuẩn bị và thực hiện các yêu cầu về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo các quy định liên quan

- **Luật đất đai**

- Luật Đất đai 2024 đã làm thay đổi cơ bản bối cảnh lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam, mang lại cả lợi ích tiềm năng và bất lợi tiềm tàng cho các nhà đầu tư nước ngoài. Luật mới nhằm giải quyết các vấn đề chông chéo cũng như xung đột trong các quy định hiện hành về đất đai, cải thiện hoạt động quản lý đất đai và thúc đẩy môi trường đầu tư minh bạch, bền vững hơn để thu hút vốn nước ngoài.
- Luật Đất đai 2024 đưa ra định nghĩa rõ ràng hơn về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo Luật này, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được miễn thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư không được coi là DNĐTNN và sẽ hưởng các quyền giống như doanh nghiệp trong nước. Sự thay đổi này có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao dịch bất động sản của các doanh nghiệp có sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ nhỏ, đồng thời xóa bỏ những rào cản mang tính quan liêu thường gây chậm trễ cho các giao dịch này.
- Luật Đất đai 2024 đã nâng cao tính minh bạch cho các nhà đầu tư nước ngoài bằng cách đưa ra hướng dẫn rõ ràng hơn về việc gia hạn sử dụng đất. Nhà đầu tư có thể chủ động nộp đơn xin gia hạn trước khi hết thời hạn sử dụng đất, với điều kiện thời hạn dự án phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung sửa đổi này giúp tăng thêm sự chắc chắn cho các nhà đầu tư nước ngoài muốn đầu tư dài hạn vào thị trường Việt Nam.

- Luật Đất đai mới cũng đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, đồng thời hướng dẫn rõ ràng hơn về việc thu hồi đất. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có thẩm quyền quyết định việc thu hồi đất, kể cả đối với các dự án ở khu công nghiệp. Thay đổi này dự kiến sẽ giúp đơn giản hóa quy trình giải phóng mặt bằng, vì yêu cầu trước đó về can thiệp của các ủy ban cấp tỉnh đôi khi dẫn đến những chậm trễ không cần thiết.
- Bên cạnh những tiến bộ đã đạt được thì vẫn còn những thách thức cần giải quyết, điều này cho thấy khung pháp lý vẫn cần sửa đổi để hoàn thiện hơn. Cụ thể, theo Luật Đất đai 2024, bảng giá đất, đóng vai trò là cơ sở để tham chiếu giá trị đất trong các giao dịch liên quan đến đất đai, sẽ do UBND cấp tỉnh công bố hàng năm tùy theo điều kiện thị trường, thay vì theo chu kỳ 5 năm như Luật Đất đai 2013. Như vậy, chi phí đất đai sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào giá trị thị trường thực tế gần nhất, giá trị này có thể biến động và tác động đến chi phí của các dự án đầu tư. Điều chỉnh này có thể làm dấy lên những lo ngại về tài chính, khiến các nhà đầu tư nước ngoài lưỡng lự khi đưa ra quyết định đầu tư vào Việt Nam.

II. Triển vọng kinh tế - xã hội năm 2025

1. Dự báo tăng trưởng GDP: 6,5% (theo Báo cáo Taking Stock của Ngân hàng Thế giới tháng 8/2024).

- Sự phục hồi dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi những cải thiện liên tục trong lĩnh vực sản xuất phục vụ xuất khẩu và sự gia tăng trở lại của nhu cầu nội địa, cả hai yếu tố này được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ môi trường kinh tế và các chính sách rộng lớn hơn.
- Từ góc nhìn của các doanh nghiệp nước ngoài, mục tiêu này có vẻ tham vọng nhưng khả thi. Vốn FDI có khả năng tập trung vào sự phục hồi của ngành sản xuất và thương mại, vì cả hai ngành này đều cho thấy tiềm năng tăng trưởng trong năm 2024. Triển vọng tăng trưởng vẫn chịu ảnh hưởng với các điều kiện kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ở các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc, nơi suy giảm kinh tế có thể ảnh hưởng đến hiệu suất xuất khẩu của Việt Nam.

2. Dự báo dòng vốn FDI & các lĩnh vực/ngành thu hút FDI

- Dòng vốn FDI được dự báo sẽ duy trì xu hướng tăng trong năm 2025. Sản xuất công nghệ cao, đặc biệt là trong lĩnh vực điện tử, được kỳ vọng sẽ tiếp tục là trọng tâm thu hút FDI trong năm 2025. Khi chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục có sự chuyển dịch, các công ty nước ngoài có thể ngày càng xem Việt Nam như một trung tâm chiến lược cho sản xuất công nghệ cao.
- Quan hệ Đối tác Chuyển dịch Năng lượng công bằng (JETP) sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình dòng vốn FDI, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Cam kết của Việt Nam trong việc chuyển từ than đá sang các nguồn năng lượng sạch hơn thông qua JETP sẽ thu hút đầu tư nước ngoài đáng kể vào các dự án năng lượng xanh, như năng lượng mặt trời và gió.
- Bên cạnh năng lượng, bất động sản vẫn là một lĩnh vực trọng yếu thu hút FDI. Mặc dù lĩnh vực này đã đối mặt với nhiều thách thức, Chính phủ đang triển khai các cải cách để cải thiện tính minh bạch của thị trường và đơn giản hóa các thủ tục đầu tư. Sự phục hồi của thị trường bất động sản, được hỗ trợ bởi nguồn vốn nước ngoài, dự kiến sẽ lấy lại đà tăng trưởng vào năm 2025.

3. Khuyến nghị để cải thiện môi trường đầu tư:

- ✓ **Nguồn nhân lực:** Đẩy mạnh hoạt động dạy nghề và nâng cao kỹ năng cho lao động là yếu tố then chốt giúp Việt Nam duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cần xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu về các ngành liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 như CNTT, AI, tự động hóa.
- ✓ **Đầu tư phát triển hạ tầng:** Đẩy mạnh đầu tư vào các hạ tầng quan trọng như đường cao tốc, cảng biển, sân bay và hệ thống logistics thông minh. Điều này sẽ giúp Việt Nam tăng cường khả năng kết nối với thị trường quốc tế và thu hút thêm vốn đầu tư.
- ✓ **Chuyển đổi số và phát triển xanh:** Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong quá trình chuyển đổi số. Ứng dụng công nghệ số và tự động hóa sẽ giúp các doanh nghiệp tăng cường hiệu quả sản xuất, tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế xanh không chỉ thu hút các nhà đầu tư tập trung vào phát triển bền vững mà còn giúp bảo vệ môi trường.
- ✓ **Đổi mới khung pháp lý:** Các Trưởng Nhóm công tác sẽ trình bày chi tiết về việc sửa đổi, bổ sung một số luật/chính sách quan trọng.

MỘT SỐ GÓP Ý TRỌNG TÂM VỀ DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN

Trình bày
NCT Thị trường Vốn VBF

[Phần 1]

BỐI CẢNH

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Luật Chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã tạo khung khổ pháp lý cao nhất, điều chỉnh toàn diện hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau ba năm được thực thi, với những yêu cầu, thách thức mới phát sinh từ sự phát triển không ngừng của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, và yêu cầu nâng hạng thị trường, Luật Chứng khoán dự kiến sẽ được sửa đổi.

Gần đây, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là “**Dự Thảo LCK Sửa Đổi**”) đang được gửi ra và lấy ý kiến rộng rãi.

GÓP Ý VÀ KIẾN NGHỊ

Qua xem xét và cân nhắc kỹ lưỡng, chúng tôi nhận thấy Dự Thảo LCK Sửa Đổi về cơ bản đã thể hiện được mục tiêu “khắc phục kịp thời hạn chế, rủi ro trong hoạt động của thị trường chứng khoán, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu lực thực thi pháp luật, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư”.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng đánh giá rằng một số quy định cụ thể trong Dự Thảo LCK Sửa Đổi nếu được chính thức thông qua sẽ gây **ảnh hưởng nghiêm trọng và thâm chí dẫn tới ngưng trệ hoạt động của khối quản lý quỹ**, cũng như các định chế tài chính khác trên thị trường.

Vì vậy, chúng tôi kiến nghị Quý Cơ quan cân nhắc, loại bỏ hoặc sửa đổi các điều khoản sau trong Dự Thảo LCK Sửa Đổi:

1. Điểm b khoản 3 Điều 12 Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 3 Điều 6 Dự Thảo LCK Sửa Đổi)

“3. Thực hiện hành vi thao túng thị trường chứng khoán, gồm một, một số hoặc tất cả các hành vi dưới đây:

[...]

b) Đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch hoặc thông đồng với nhau giao dịch mua, bán chứng khoán mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự quyền sở hữu hoặc quyền sở hữu chỉ luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo;”

1.1 Chúng tôi hiểu rằng quy định này tuy có mục tiêu nhằm hạn chế hành vi thao túng giá chứng khoán, tạo cung cầu giả tạo. Việc sửa đổi quy định nhằm thắt chặt quản lý, hạn chế các hành vi thao túng thị trường là cần thiết, nhưng cách diễn đạt có thể gây nhầm lẫn, dẫn đến cách hiểu: hành vi “đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch” bị cấm.

- 1.2 Chúng tôi xin chia sẻ, việc đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch **là hoạt động rất bình thường đối với nghiệp vụ quản lý quỹ và hoạt động thông thường của thị trường.**

Chúng tôi minh họa bằng một số ví dụ dưới đây:

Ví dụ 1: Một quỹ mở A nhận được lệnh giao dịch và tiền thanh toán giao dịch đó từ một nhà đầu tư X trong phiên buổi sáng (lúc 10 giờ). Sau đó, nhà đầu tư X lại có yêu cầu rút tiền vào buổi chiều (lúc 13 giờ 30 phút). Để đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, việc quỹ mở A phải thực hiện mua và bán chứng khoán trong danh mục trong cùng ngày (mà có thể có trường hợp chứng khoán được mua và bán là cùng loại) để đạt thanh khoản cần thiết là một hoạt động bình thường của quỹ mở và hoàn toàn không nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo.

Ví dụ 2: Một nhà đầu tư Y có thể đặt lệnh bán cổ phiếu XYZ trong phiên sáng lúc giá cao; sau đó thị trường giảm khiến giá cổ phiếu XYZ trở nên hấp dẫn hơn, nhà đầu tư Y quyết định đặt lệnh mua cổ phiếu XYZ. Các quyết định đặt lệnh mua và bán cùng một loại chứng khoán XYZ trong cùng ngày giao dịch hoàn toàn phù hợp với quy luật cung cầu và đánh giá về tiềm tăng thị trường của nhà đầu tư Y mà hoàn toàn không nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo.

- 1.3 Chúng tôi khuyến nghị sửa lại quy định này như sau:

“b) Thông đồng đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày giao dịch mà không dẫn đến chuyển nhượng thực sự quyền sở hữu, hoặc quyền sở hữu chỉ luân chuyển giữa các thành viên trong nhóm nhằm tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo;”

để làm rõ việc đặt lệnh mua và bán cùng loại chứng khoán trong cùng ngày phải có động cơ tạo giá chứng khoán, cung cầu giả tạo thì mới cấu thành hành vi thao túng thị trường chứng khoán.

2. **Điểm c khoản 3 Điều 12 Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung theo điểm a khoản 3 Điều 6 Dự Thảo LCK Sửa Đổi)**

“c) Mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường;”

- 2.1 Tương tự với phân tích đã nêu tại mục 1.1 trên đây, chúng tôi hiểu rằng quy định này được đưa vào Dự Thảo LCK Sửa Đổi nhằm hạn chế hành vi ‘làm giá’. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cách diễn đạt của điều khoản này hiện dẫn đến cách hiểu hành vi “mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường” bị cấm.

- 2.2 Chúng tôi xin chia sẻ thêm rằng có rất nhiều hoạt động chứng khoán của các tổ chức tài chính yêu cầu mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường mà không nhằm mục đích thao túng thị trường.

Chúng tôi minh họa bằng một số ví dụ như sau:

Ví dụ 3: Quỹ hoán đổi danh mục (ETF) khi điều chỉnh cơ cấu danh mục chứng khoán (rebalancing) luôn cần đặt lệnh theo phương thức khớp lệnh định kỳ đóng cửa (phiên ATC) nhằm khớp được lệnh ở giá đóng cửa. Đây là yêu cầu bắt buộc cho hoạt động của ETF, và có tính định kỳ.

Ví dụ 4: Các quỹ mở khi nhận được lệnh rút tiền vào lúc 14:00 chiều cũng cần phải đặt lệnh bán vào phiên ATC để có thể đáp ứng nhu cầu thanh khoản của khách hàng.

Trong cả 2 ví dụ trên đây, việc mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường đều là những hoạt động cần thiết, đúng luật pháp và hoàn toàn không nhằm mục đích thao túng thị trường.

2.3 Ngoài ra, trong bối cảnh Việt Nam sắp được nâng hạng vào nhóm *FTSE Emerging Market*, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến sẽ thu hút dòng đảo các quỹ mở, quỹ ETF quốc tế. Chúng tôi đánh giá rằng quy định này thực sự khiến các nhà đầu tư quốc tế hoang mang, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam.

2.4 Chúng tôi kiến nghị sửa lại quy định này như sau:

“c) Mua hoặc bán chứng khoán với khối lượng chi phối vào thời điểm mở cửa hoặc đóng cửa thị trường nhằm tạo ra mức giá đóng cửa hoặc giá mở cửa mới cho loại chứng khoán đó trên thị trường, ngoại trừ hoạt động của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ nước ngoài, tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế.”

nhằm đảm bảo hoạt động của các quỹ đầu tư chứng khoán không bị đình trệ và có thể thực hiện được một cách bình thường.

MỘT SỐ GÓP Ý TRỌNG TÂM VỀ DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHỨNG KHOÁN

Trình bày
NCT Thị trường Vốn VBF

[Phần 2]

1. Khái niệm “nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp” (sửa đổi, bổ sung Điều 11 Luật Chứng Khoán)

1.1. Dự Thảo đưa ra các tiêu chí mới đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Cụ thể:

- Bổ sung yêu cầu với công ty phải có thời gian hoạt động tối thiểu 02 năm, ngoài tiêu chí về vốn điều lệ đã góp 100 tỷ VNĐ.
- Với cá nhân phải tham gia đầu tư chứng khoán trong thời gian tối thiểu 02 năm, có tần suất giao dịch tối thiểu 10 lần mỗi quý trong 04 quý gần nhất, bên cạnh yêu cầu sẵn có là phải nắm giữ danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 02 tỷ đồng tại thời điểm cá nhân đó được xác định tư cách là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Chúng tôi đề nghị bỏ các yêu cầu trên vì những lý do dưới đây:

- Khoản 2 Điều 86 BLDS quy định “2. Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập; nếu pháp nhân phải đăng ký hoạt động thì năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân phát sinh từ thời điểm ghi vào sổ đăng ký”. Ngoài ra, pháp nhân có bộ máy điều hành, cơ quan quản lý chuyên nghiệp, không giống như cá nhân cần thời gian học hỏi. Thực tế thị trường, các pháp nhân cũng được thành lập khi có cơ hội đầu tư. Yêu cầu thời gian hoạt động tối thiểu 02 năm của pháp nhân để được công nhận là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là không cần thiết.
- Tần suất giao dịch chứng khoán không chứng minh được năng lực về tài chính và kinh nghiệm giao dịch của nhà đầu tư cá nhân. Các nhà đầu tư lớn thực tế không giao dịch nhiều lần. Và đồng thời, quy định tần suất giao dịch tối thiểu của nhà đầu tư cá nhân có khuyến khích xu hướng giao dịch “lướt sóng”?

1.2. Ngoài ra, Dự Thảo quy định chỉ có nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mới được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Luật CK đã đưa ra khái niệm “nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp” với mục đích xác định là người có đủ có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán. Do vậy, chúng tôi đề nghị không phân biệt giữa NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân và tổ chức, đồng thời không nên quy định chỉ NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức mới được mua trái phiếu phát hành riêng lẻ. Các sai phạm về phát hành, phân phối trái phiếu phát hành riêng lẻ trong thời gian qua có thể chấn chỉnh bằng các biện pháp khác, không nên vì các sai phạm này mà hạn chế quyền chủ động đầu tư của cá nhân, đi ngược lại với chủ trương khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân vào thị trường chứng khoán để thúc đẩy sự phát triển trong dài hạn của thị trường, cũng như hạn chế các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ổn định.

2. Sửa đổi bổ sung quy định về hành vi thao túng thị trường (sửa đổi, bổ sung Điều 12.3 Luật Chứng Khoán)

2.1. Ở Dự Thảo này, phần sửa đổi, bổ sung Điều 12.3 Luật Chứng Khoán quy định hành vi “đưa ra ý kiến một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua phương tiện thông tin đại chúng về một loại chứng khoán, về tổ chức phát hành chứng khoán nhằm tạo ảnh hưởng đến giá của loại chứng khoán đó sau khi đã thực hiện giao dịch và nắm giữ vị thế đối với loại chứng khoán đó” bị coi là một hành vi thao túng.

Việc đưa ra ý kiến về chứng khoán và tổ chức phát hành là một phần trong công việc của các tổ chức kinh doanh chứng khoán và những người hành nghề chứng khoán. Rất khó để xác

định việc đưa ra các nhận định khách quan khi thực hiện dịch vụ và việc làm nhằm mục đích thao túng thị trường. Để tránh rủi ro pháp lý cho các đối tượng này, chúng tôi đề nghị cần quy định loại trừ trường hợp các tổ chức kinh doanh chứng khoán và người hành nghề.

2.2. Chúng tôi nhận thấy toàn bộ các hành vi được nêu tại các điểm bổ sung từ a đến e Điều 12.3 của Luật Chứng Khoán trong Dự Thảo hiện nay được sao chép toàn bộ từ cấu thành tội “thao túng thị trường chứng khoán” quy định tại Điều 211 Bộ Luật Hình Sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Việc quy định trùng lặp giữa Bộ Luật Hình Sự (bao gồm cấu thành thiệt hại và chế tài hình sự kèm theo) và Luật Chứng Khoán (mà không gắn với cấu thành về thiệt hại, không có chế tài cụ thể) là không cần thiết, có thể gây nhầm lẫn và hoang mang cho thị trường.

Đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Chứng Khoán hiện tại và bổ sung quy định về việc mở rộng thẩm quyền của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) trong việc thu thập – tập hợp thông tin, tố giác tội phạm, quyền – trách nhiệm – quy trình phối hợp với cơ quan điều tra liên quan đến các tội phạm về thị trường chứng khoán (quy định tại Mục 2, Chương XVIII Bộ Luật Hình Sự).

3. Về việc bổ sung điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng (sửa đổi, bổ sung Điều 15.3 Luật Chứng Khoán)

Dự Thảo quy định trái phiếu chào bán ra công chúng phải có tài sản đảm bảo hoặc được bảo lãnh ngân hàng theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu là nợ thứ cấp thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 và có đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của Chính phủ.

Chúng tôi đề xuất không bổ sung điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải có tài sản đảm bảo hoặc được bảo lãnh ngân hàng. Theo tờ trình Dự Thảo Đề Cương, mục đích của bổ sung nội dung này là để nâng cao chất lượng, tính minh bạch trong hoạt động chào bán, phát hành chứng khoán. Tuy nhiên, để chào bán cổ phiếu ra công chúng, Luật Chứng Khoán vốn dĩ quy định rất nghiêm ngặt tại Điều 15.3, được hướng dẫn cụ thể theo Điều 19, 26 của Nghị Định 155/2020/NĐ-CP. Việc quy định bổ sung điều kiện về tài sản đảm bảo, bảo lãnh ngân hàng làm phức tạp hóa thủ tục chào bán trái phiếu ra công chúng, tạo rào cản và gánh nặng lớn và thậm chí có nguy cơ làm bóp nghẹt thị trường trái phiếu doanh nghiệp, ‘đóng băng’ một kênh huy động vốn quan trọng cho các doanh nghiệp trên thị trường. Ban Soạn Thảo có thể cân nhắc thay thế bằng điều kiện tổ chức phát hành phải được xếp hạng tín nhiệm thì khả thi và phù hợp hơn.

4. Về quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (sửa đổi, bổ sung Điều 31.1 Luật Chứng Khoán)

Dự Thảo quy định việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Đề nghị giữ nguyên quy định của luật hiện hành về thời hạn hạn chế chuyển nhượng chứng khoán phát hành riêng lẻ. Ngoài ra, đề nghị trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán cần làm rõ quy trình để chuyển nhượng chứng khoán riêng lẻ giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, để làm căn cứ thực hiện cho các nhà đầu tư và tổ chức phát hành trên thực tế.

5. Một số vấn đề chưa có trong Dự Thảo

5.1. Kiến nghị bỏ quy định về việc công ty đại chúng mua lại cổ phiếu quỹ thì phải thực hiện giảm vốn điều lệ

5.2. Đề nghị bổ sung quy định cho phép IPO đồng thời với niêm yết để phù hợp với quy trình tại các thị trường phát triển và giảm rủi ro cho các nhà đầu tư tham gia mua trong đợt IPO.

KHUYẾN NGHỊ VỀ SỬA ĐỔI LUẬT ĐẦU TƯ

Trình bày:
Seck Yee Chung
Trưởng NCT Đầu tư & Thương mại

Thay mặt Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại VBF, chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực to lớn của Chính phủ trong việc thúc đẩy nền kinh tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thu hút đầu tư công nghệ cao và khuyến khích tăng trưởng xanh. Nhóm đã tổng hợp các ý kiến về một số vấn đề trọng tâm liên quan đến Luật Đầu tư và hy vọng rằng các vấn đề này sẽ được xem xét và giải quyết.

THỨ NHẤT, điều kiện gia nhập thị trường áp dụng với các nhà đầu tư nước ngoài trong những ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết tại các điều ước quốc tế

Theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư, trong trường hợp (i) ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường tại các điều ước quốc tế, (ii) pháp luật Việt Nam không có quy định hạn chế tiếp cận thị trường đối với ngành, nghề và (iii) không áp dụng quy định ngay cả với nhà đầu tư trong nước thì nhà đầu tư nước ngoài có quyền tiếp cận thị trường trong ngành, nghề này, dựa trên định hướng chung của Việt Nam là tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, trên thực tế, khi xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (“**GCNĐKĐT**”) cho hoạt động đầu tư nước ngoài vào các ngành, nghề chưa có cam kết tại các điều ước quốc tế, chúng tôi nhận thấy vẫn còn nhiều thách thức từ phía các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình phê duyệt cho nhà đầu tư, mặc dù tài liệu giải trình đã trình bày rõ ràng và đầy đủ về việc tuân thủ pháp luật Việt Nam. Điều này gây ra nhiều trở ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài và có thể ảnh hưởng đến môi trường đầu tư ở Việt Nam nói chung.

Ngoài ra, theo Luật Đầu tư, ngoại trừ các ngành, nghề kinh doanh nêu tại Phụ lục I của Nghị định 31/2021/NĐ-CP thì nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước. Căn cứ vào quy định trên, dự kiến tất cả các ngành nghề kinh doanh đặt ra điều kiện về gia nhập thị trường áp dụng riêng với nhà đầu tư nước ngoài sẽ được liệt kê đầy đủ trong Phụ lục I của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Và, nhà đầu tư nước ngoài có quyền tiếp cận thị trường như nhà đầu tư trong nước nếu họ tham gia vào ngành, nghề không bị hạn chế tiếp cận thị trường.

Tuy nhiên, có một số trường hợp ngành nghề kinh doanh không nằm trong Phụ lục I nhưng các quy định chuyên ngành lại hạn chế nhà đầu tư nước ngoài. Ví dụ, dịch vụ an toàn thông tin mạng không được liệt kê trong Phụ lục I của Nghị định 31/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo Luật An toàn thông tin mạng, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (“**DNĐTNN**”) không đủ điều kiện để xin cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng. Điều này khiến các nhà đầu tư nước ngoài không được phép nắm giữ cổ phiếu trong các công ty kinh doanh dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng.

→Do đó, chúng tôi khuyến nghị rằng khi xem xét hồ sơ xin cấp GCNĐKĐT cho đầu tư nước ngoài, các cơ quan chức năng cần linh hoạt hơn để giữ được độ mở của thị trường với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong các ngành, nghề mà Việt Nam chưa đưa ra quy định hạn chế tại các điều ước quốc tế.

Ngoài ra, chúng tôi khuyến nghị xác định chi tiết các ngành, nghề hạn chế nhà đầu tư nước ngoài theo các quy định chuyên ngành để sửa đổi Nghị định 31/2021/NĐ-CP cho phù hợp.

THỨ HAI, cơ quan cấp phép yêu cầu quá nhiều giấy tờ

Quy định hiện hành nghiêm cấm chính quyền địa phương yêu cầu thêm những giấy tờ ngoài quy định pháp luật cho mục đích cấp phép. Tuy nhiên, trên thực tế, đôi khi cơ quan cấp phép vẫn yêu cầu nhà

đầu tư nộp thêm các giấy tờ bổ sung mà pháp luật không yêu cầu. Điều này có thể gây ra chậm trễ đáng kể cho việc đăng ký đầu tư, làm phát sinh thêm chi phí cho các nhà đầu tư để có thể chuẩn bị và cung cấp các tài liệu này.

→ Do đó, chúng tôi khuyến nghị các cơ quan chức năng xem xét và loại bỏ yêu cầu về những giấy tờ không nằm trong quy định pháp luật.

THỨ BA, yêu cầu cấp GCNĐKĐT cho các địa điểm, chi nhánh kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo GCNĐKĐT và GCNĐKDN, trong trường hợp các công ty này muốn mở rộng hoạt động kinh doanh bằng cách thành lập địa điểm hoặc chi nhánh kinh doanh (trong hoặc ngoài tỉnh), thì luật đầu tư hiện hành chưa đưa ra hướng dẫn thực hiện rõ ràng.

→ Do đó, chúng tôi khuyến nghị xây dựng luật đầu tư mới để quy định rõ về vấn đề này, luật này cần cho phép nhà đầu tư thực hiện quyền điều chỉnh vốn đầu tư như trong GCNĐKĐT đã cấp, hoặc xin cấp GCNĐKĐT cho mỗi địa điểm mới.

CUỐI CÙNG, quy định về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa nhất quán

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo các phương thức như sau:

- (a) Thành lập mới bằng cách nộp hồ sơ xin cấp GCNĐKĐT, sau đó là GCNĐKDN; hoặc
- (b) Mua lại vốn góp hoặc vốn chủ sở hữu từ chủ sở hữu/nhà đầu tư trong nước: xin cấp Phê duyệt M&A, sau đó đăng ký thay đổi chủ sở hữu trên GCNĐKDN hoặc cập nhật sổ đăng ký cổ đông.

Về nguyên tắc, một công ty có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo một trong hai phương thức (a) hoặc (b) sẽ được hưởng các hình thức ưu đãi giống nhau theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy các công ty được thành lập theo phương thức (a) và (b) có những điểm khác biệt sau:

- Đối với phương thức (a), công ty đó phải có GCNĐKĐT, dự án đầu tư có thời hạn, giới hạn vốn vay, và nếu có bất kỳ thay đổi nào về thời gian thực hiện dự án, về giới hạn vốn vay thì công ty sẽ cần xin giấy chứng nhận điều chỉnh dự án đầu tư.
- Đối với phương thức (b), công ty đó không được cấp/không có GCNĐKĐT, do đó, sẽ không có giới hạn về thời hạn đầu tư và vốn vay.

→ Do đó, chúng tôi khuyến nghị rằng cần bổ sung các quy định để đảm bảo rằng các công ty thành lập theo phương thức (a) và (b) được hưởng ưu đãi như nhau theo luật.

Nhóm rất mong muốn hợp tác với Ủy ban Kinh tế Quốc hội và Chính phủ để cải thiện khung pháp lý và môi trường đầu tư của Việt Nam. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là nâng cao niềm tin của các nhà đầu tư và củng cố năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Vì vậy, chúng tôi rất trân trọng việc Ủy ban Kinh tế Quốc hội ghi nhận những đề xuất của chúng tôi như đã đề cập.

Trân trọng cảm ơn!

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC THI LUẬT DOANH NGHIỆP 2020 & KHUYẾN NGHỊ

Trình bày
Ông Trần Anh Đức
Đồng Trưởng Nhóm Đầu tư & Thương mại

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|---|--|--|
| 1. | Trường hợp người đại diện theo pháp luật/Tổng Giám Đốc của công ty không liên lạc được (Điều 12 Luật Doanh Nghiệp) | <p>Khoản 3 Điều 12 của Luật Doanh Nghiệp quy định doanh nghiệp phải đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn một người đại diện theo pháp luật cư trú ở Việt Nam và thì người này khi xuất cảnh phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Việt Nam. Khoản 5 Điều 12 của Luật Doanh Nghiệp cũng quy định nếu doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt khỏi Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc trong các trường hợp đặc biệt (ví dụ chết, mất tích,...) thì chủ sở hữu, Hội Đồng Thành Viên, Hội Đồng Quản Trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật.</p> <p>Tuy nhiên, trong trường hợp người đại diện theo pháp luật đột ngột không thể liên lạc được mà chưa kịp làm giấy ủy quyền cho người khác, hiện vẫn chưa có quy định rõ và điều này có thể làm gián đoạn hoạt động của công ty. Thiếu người đại diện theo pháp luật, Công ty không thể nộp thuế, trả lương cho người lao động, thanh toán cho nhà thầu, trả lãi ngân hàng...</p> | Đề xuất quy định nếu trong trường hợp người đại diện theo pháp luật không thể liên lạc được trong vòng 7 ngày, chủ sở hữu, Hội Đồng Thành Viên, Hội Đồng Quản Trị có thể cử người khác tạm thời làm quyền đại diện theo pháp luật/Tổng Giám Đốc của công ty. |
| 2. | Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 30 Luật Doanh Nghiệp 2020) | <p>Khoản 2 Điều 30 Luật Doanh Nghiệp 2020 có quy định "<i>Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi</i>".</p> <p>Chúng tôi hiểu rằng các nội dung thay đổi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ví dụ như tên công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật hay thành viên công ty) có hiệu lực theo quy</p> | Khoản 2 Điều 30 Luật Doanh Nghiệp 2020 cần bổ sung thêm chữ "có hiệu lực" như sau: " <i>Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi có hiệu lực</i> ". |

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|---|---|---|
| | | <p>định nội bộ của doanh nghiệp hoặc theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan khi đáp ứng các yêu cầu của luật.</p> <p>Tuy nhiên trên thực tế vẫn có quan điểm (đặc biệt phía cơ quan cấp phép) cho rằng các sửa đổi này chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm được cập nhật lên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Điều này gây khó khăn cho các bên trong quá trình hoạt động và thực hiện giao dịch. Nên quy định rõ trong luật hoặc nghị định hướng là việc cập nhật thông tin lên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chỉ là thủ tục quản lý hành chính. Điều này cũng hợp lý vì:</p> <ol style="list-style-type: none"> (1) Đối với các thông tin thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thay đổi loại hình doanh nghiệp (ví dụ như chuyển từ công ty TNHH một thành viên lên công ty TNHH hai thành viên trở lên), các trường hợp cần thực hiện thủ tục đăng ký mua phần vốn góp hay cổ phần đã được thực hiện với cơ quan cấp phép đầu tư có liên quan trước khi các bên tiến hành hoàn tất giao dịch; (2) Đối với đăng ký thay đổi vốn điều lệ, các bên cũng cần phải hoàn tất việc thanh toán phần vốn góp tăng thêm trước khi làm hồ sơ thay đổi vốn điều lệ; và (3) Đối với các nội dung thay đổi khác kể cả thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh cũng nên thuộc quyền tự quyết định của doanh nghiệp, và doanh nghiệp cần tuân thủ quy định của pháp luật về giấy phép, điều kiện kinh doanh và các nội dung khác trong quá trình hoạt động. | |
| 3. | Thời điểm cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ trong công ty cổ phần (Điều 31.1(b) và 31.2 Luật Doanh Nghiệp) | <p>Theo qui định của Luật Doanh Nghiệp (ví dụ: 47.5, 124.4), người mua cổ phần trở thành cổ đông <u>khi được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông</u>. Tuy nhiên, Nghị Định 31 lại có qui định khác.</p> <p>Theo quy định tại Điều 31.2 của Luật Doanh Nghiệp, việc thông báo thay đổi cổ đông nước ngoài chỉ yêu cầu thực hiện trong thời gian</p> | <p>Cần phải có sự thống nhất giữa Luật Doanh Nghiệp và Nghị Định 31.</p> <p>Đề nghị sửa đổi Điều 66.5 của Nghị Định 31/2021/ND-CP cho thống nhất với Điều 31 của Luật Doanh Nghiệp theo hướng thủ</p> |

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|--|--|---|
| | | <p>10 ngày kể từ khi có sự thay đổi. Tuy nhiên, Điều 66.5 của Nghị Định 31/2021/ND-CP hướng dẫn Luật Đầu Tư lại quy định quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài với tư cách là thành viên, cổ đông của tổ chức kinh tế được xác lập <u> khi hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi thành viên, cổ đông</u>. Điều này dẫn đến một cách hiểu là thủ tục thay đổi cổ đông nước ngoài không phải là một thông báo hoàn tất sau thực hiện giao dịch mà thực tế trở thành một điều kiện tiên quyết để cổ đông nước ngoài có quyền và nghĩa vụ trong công ty cổ phần (hay nói cách khác là điều kiện tiên quyết để hoàn tất giao dịch về mặt bản chất).</p> | <p>tục thay đổi cổ đông nước ngoài là thủ tục thông báo sau khi giao dịch đã được hoàn tất theo thỏa thuận giữa các bên và, quyền và nghĩa vụ của cổ đông nước ngoài đã được xác lập vào thời điểm hoàn tất giao dịch theo thỏa thuận của các bên.</p> |
| 4. | <p>Thông báo thay đổi cổ đông nước ngoài đối với công ty đại chúng chưa niêm yết (Điều 31.1(b) Luật Doanh Nghiệp)</p> | <p>Điều 31.1(b) Luật Doanh Nghiệp 2020 quy định về nghĩa vụ thông báo thay đổi cổ đông nước ngoài của doanh nghiệp <u>không phải là công ty niêm yết</u>. Quy định này có thể được hiểu rằng việc thay đổi cổ đông nước ngoài của doanh nghiệp là công ty đại chúng và được đăng ký giao dịch cổ phần trên UPCoM hoặc công ty chưa đăng ký giao dịch cũng phải được thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định thông báo thay đổi cổ đông nước ngoài đối với các công ty UPCoM gặp một số vướng mắc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do các cổ phần được giao dịch tự do trên UPCoM, việc thay đổi cổ đông nước ngoài có thể diễn ra hàng tuần, thậm chí hàng ngày, và trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chỉ mua một số lượng nhỏ cổ phần và không có nghĩa vụ công bố thông tin, doanh nghiệp sẽ không thể biết được việc thay đổi cổ đông nước ngoài, do danh sách cổ đông được quản lý bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chứ không phải doanh nghiệp; - Các giao dịch trên UPCoM đa phần được thực hiện dưới dạng khớp lệnh, mà không có hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; - Do các công ty UPCoM là công ty đại chúng, theo quy định tại Điều 4.3(e) Luật Đầu Tư thì “<i>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh, hoạt động về chứng khoán</i> | <p>Thay “công ty niêm yết” bằng “công ty không phải là công ty đại chúng”.</p> <p>Ngoài ra, trong trường hợp công ty đại chúng (bao gồm công ty UpCom và công ty niêm yết) hủy tư cách công ty đại chúng, cần cần nhắc làm rõ làm thế nào để ghi nhận thông tin các cổ đông nước ngoài từ hệ thống của VSDC sang hệ thống của cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> |

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|--|--|--|
| | | <p>và thị trường chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Chứng Khoán.” Do Luật Chứng Khoán không yêu cầu việc đầu tư vào các công ty đại chúng phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần với Sở Kế Hoạch Đầu Tư cấp tỉnh (Phê duyệt M&A), nên các công ty UPCoM sẽ không thể có tài liệu này để nộp kèm khi thông báo cổ đông nước ngoài. Trên thực tế, cơ quan đăng ký kinh doanh thường yêu cầu phải có Phê duyệt M&A trước khi đồng ý ghi nhận thông tin cổ đông nước ngoài mới.</p> | |
| 5. | <p>Hướng dẫn về “nội dung khác” của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải thông báo cho chính quyền địa phương (điểm (c) Điều 31.1 Luật Doanh Nghiệp)</p> | <p>Vấn chưa rõ “nội dung khác” nào trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào theo điểm (c) Điều 31.1 Luật Doanh Nghiệp. Ví dụ, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm điều lệ đầu tiên của công ty, thì có thể được hiểu rằng mọi sửa đổi điều lệ sau đó phải được thông báo cho chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chưa có quy định nào hướng dẫn về vấn đề này nên cơ quan có thẩm quyền không biết xử lý vấn đề này ra sao. Trên thực tế, một số chính quyền địa phương đã từ chối nhận thông báo về việc sửa đổi điều lệ.</p> | <p>Chúng tôi đề xuất Chính phủ nên hướng dẫn cụ thể về nội dung được đề cập trong mục 31.1(c) Luật Doanh Nghiệp, và nếu cơ quan lập pháp không có ý định yêu cầu thông báo về việc thay đổi các nội dung khác không được quy định trong Điều 31.1 đã nêu, vui lòng ghi rõ rằng những thay đổi đó không bắt buộc phải thông báo.</p> |
| 6. | <p>Giảm vốn điều lệ</p> | <p>Luật Doanh Nghiệp hiện không quy định rõ ràng (i) việc mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại theo yêu cầu cổ đông bởi một công ty cổ phần có thuộc trường hợp giảm vốn điều lệ quy định tại Điều 112.5 Luật Doanh Nghiệp không, và (ii) nếu việc mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại này thuộc trường hợp giảm vốn điều lệ thì có buộc phải đáp ứng điều kiện để giảm vốn điều lệ quy định tại Điều 112.5(a) Luật Doanh Nghiệp hay không¹ và vì vậy có phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ hay không?</p> <p>Trên thực tế, các công ty có khoản lỗ cộng dồn lớn trên báo cáo tài chính có nhu cầu giảm vốn điều lệ nhằm bù trừ để giảm khoản lỗ trên</p> | <p>Hai vấn đề nêu ở cột bên trái liên quan đến việc công ty cổ phần mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại theo yêu cầu của cổ đông nên được làm rõ.</p> <p>Đề xuất bổ sung trường hợp được phép điều chỉnh giảm vốn điều lệ để ghi nhận giảm khoản lỗ cộng dồn mà không làm phát sinh thanh toán hoàn vốn cho thành viên hoặc cổ đông.</p> |

¹ Theo Điều 112.5(a) Luật Doanh Nghiệp, các điều kiện giảm vốn điều lệ gồm (i) công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp, và (ii) bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|--|--|---|
| | | báo cáo tài chính mà không phát sinh thanh toán cho thành viên cổ đông. Hiện chưa thực sự rõ ràng rằng liệu việc giảm vốn điều lệ này có được phép đối với trường hợp của tổ chức tín dụng hoặc đã được quy định cho phép đối với công ty cổ phần ở Thông tư 19/2003/TT-BTC. | |
| 7. | Cổ phần ưu đãi khác | Điểm d Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh Nghiệp quy định cổ phần ưu đãi bao gồm: “ <i>Cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật về chứng khoán</i> ”. Vậy ví dụ trong trường hợp điều lệ công ty quy định về một loại cổ phần vừa có đặc điểm của cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi cổ tức thì loại cổ phần này có hợp lệ không? | Đề xuất làm rõ. |
| 8. | Điều kiện và thủ tục mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại | Luật Doanh Nghiệp hiện không quy định rõ ràng (i) việc mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại theo yêu cầu cổ đông bởi một công ty cổ phần có thuộc trường hợp giảm vốn điều lệ quy định tại Điều 112.5 Luật Doanh Nghiệp không, và (ii) nếu việc mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại này thuộc trường hợp giảm vốn điều lệ thì có buộc phải đáp ứng điều kiện để giảm vốn điều lệ quy định tại Điều 112.5(a) Luật Doanh Nghiệp hay không ² và vì vậy có phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ hay không? | Đề nghị làm rõ hai vấn đề nêu ở cột bên trái liên quan đến việc công ty cổ phần mua lại cổ phần ưu đãi hoàn lại theo yêu cầu của cổ đông. |
| 9. | Phân bổ/ủy quyền lại các quyền của Hội Đồng Thành Viên, Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc Hội Đồng Quản Trị cho các cơ quan điều hành khác của công ty | Hiện có các quan điểm khác nhau về việc liệu có thể quy định trong Điều lệ hoặc thông qua nghị quyết để ủy quyền lại hoặc phân bổ các quyền quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Thành Viên, Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc Hội Đồng Quản Trị cho các cơ quan điều hành khác cấp thấp hơn như Tổng Giám Đốc, hoặc Hội Đồng Quản Trị (trong trường hợp phân bổ quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông) của công ty hay không. Có quan điểm cho rằng vì Luật Doanh Nghiệp đang quy định liệt kê “quyền <u>và nghĩa vụ</u> ” của Hội Đồng Thành Viên, Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc Hội Đồng Quản Trị mà không có quy định rõ Điều lệ | Đề xuất làm rõ. |

² Theo Điều 112.5(a) Luật Doanh Nghiệp, các điều kiện giảm vốn điều lệ gồm (i) công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp, và (ii) bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|--|---|---|
| | | được phép quy định khác, do đó việc ủy quyền hoặc phân bổ quyền lại là không được. | |
| 10. | Giao dịch với người có liên quan | Theo các quy định về giao dịch, hợp đồng giữa công ty với người có liên quan thì cổ đông/thành viên hoặc thành viên hội đồng quản trị/thành viên hội đồng thành viên có lợi ích liên quan (hoặc có liên quan) đến các bên trong hợp đồng/giao dịch không được biểu quyết. Tuy nhiên không có quy định rõ để xác định thể nào là có lợi ích liên quan hoặc có liên quan đến các bên trong hợp đồng/giao dịch. | Đề xuất làm rõ. |
| 11. | Thặng dư vốn trong công ty TNHH | <p><i>“Phần vốn góp là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh. Tỷ lệ phần vốn góp là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.”</i></p> <p>Theo định nghĩa này thì dường như công ty TNHH không thể bán phần vốn góp theo giá cao hơn giá trị của tài sản góp vốn (có thể bằng tiền hoặc tài sản khác) của thành viên và không thể ghi nhận “thặng dư vốn” như trường hợp phát hành cổ phần của công ty cổ phần.</p> | Đề nghị thay đổi làm rõ để công ty TNHH có thể phát hành cổ phần với giá cao thu thặng dư vốn hoặc ngược lại tùy thuộc vào giá trị của công ty và giá trị phần vốn góp tại thời điểm góp vốn. |
| 12. | Theo dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Doanh Nghiệp năm 2020 đính kèm công văn số 5595/BKHĐT-QLKTTW ngày 17/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, định hướng sửa đổi, bổ sung Luật Doanh Nghiệp được đề ra như sau: bổ sung quy định về chủ sở hữu hưởng lợi (CSHHL), theo đó tiêu chí xác định cá | <p>Hiện tại, Luật Doanh Nghiệp 2020 chưa có quy định về CSHHL của doanh nghiệp. Các quyền, nghĩa vụ, điều kiện về CSHHL đều được quy định trong Luật Phòng chống rửa tiền và các văn bản hướng dẫn. Theo Nghị định số 19/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, CSHHL của tổ chức là cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức hoặc cá nhân cuối cùng có quyền chi phối đối với tổ chức (điểm a khoản 2 Điều 7).</p> <p>Hướng quy định mỗi loại hình doanh nghiệp sẽ xác định CSHHL theo từng tỷ lệ sở hữu riêng có khả năng không đồng nhất với quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền. Có thể trong quá trình thi hành luật phòng, chống rửa tiền, nếu chỉ áp dụng mức 25% thì khó xác định CSHHL trong một số loại hình doanh nghiệp đặc thù. Chẳng hạn, đối với CTCP, tỷ lệ vốn sở hữu để được xem là chi phối có thể lên đến 65% vì nhóm cổ đông này có thể thông qua Nghị</p> | <p>Luật Doanh Nghiệp nên sửa đổi theo hướng tham chiếu đến pháp luật phòng, chống rửa tiền để tránh tình trạng chồng chéo quy định giữa các luật. Đối với một số loại hình doanh nghiệp, các mức tỷ lệ để xác định CSHHL đề xuất như sau:</p> <p>Công ty cổ phần: trên 35% (nhóm này đã có quyền phủ quyết những nghị quyết quan trọng tại Điều 148.1 Luật Doanh Nghiệp 2020 do nhóm cổ đông sở hữu 65% phiếu bầu trở lên biểu quyết).</p> <p>Công ty TNHH một thành viên: chủ sở hữu duy nhất là CSHHL</p> |

| STT | Quy định liên quan/ Tham chiếu | Vấn đề | Khuyến nghị |
|-----|---|---|--|
| | <p>nhân là CSHHL của doanh nghiệp sẽ dựa trên mức tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, tùy vào loại hình doanh nghiệp.</p> <p>Một số Điều trong Luật Doanh Nghiệp 2020 cũng nhắc đến cụm “cổ phần, phần vốn góp chi phối” như khoản 23 Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 71, điểm b khoản 3 Điều 71, khoản 4 Điều 83, khoản 4 Điều 97.</p> | <p>quyết liên quan đến những vấn đề quan trọng của công ty (khoản 1 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp 2020). Tuy nhiên, vì Luật Doanh Nghiệp 2020 không quy định cụ thể con số nào, cũng như pháp luật phòng, chống rửa tiền chỉ cụ thể hóa con số 25% và dùng cụm từ khái quát là “có quyền chi phối” nên khi áp dụng pháp luật hiện nay, không có cơ sở pháp lý cụ thể để xác định CSHHL phù hợp với đặc thù từng loại doanh nghiệp.</p> | <p>Công ty TNHH 2 thành viên trở lên: trên 25% (có quyền phủ quyết quyết định của HĐQT về các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty tại điểm b khoản 3 Điều 59 Luật Doanh Nghiệp 2020)</p> <p>Ngoài ra, do CSHHL tính đến tổ chức cá nhân cuối cùng có quyền chi phối đối với tổ chức (và bao gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài), Luật Doanh Nghiệp và các văn bản hướng dẫn cũng nên cân nhắc đưa ra hướng dẫn hoặc nguyên tắc xác định đối với một số loại hình doanh nghiệp, quỹ đặc thù của nước ngoài (ví dụ trong trường hợp của các quỹ tư nhân (private equity) có các thành viên góp vốn (limited partner) chỉ nắm lợi ích kinh tế và không tham gia điều hành và các thành viên hợp danh (general partner) có tham gia điều hành, hoặc trường hợp công ty mẹ ở nước ngoài là công ty niêm yết có tỷ lệ sở hữu thay đổi hàng ngày).</p> |

GÓP Ý CÁC ĐIỀU QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ VÀ LUẬT ĐẦU THẦU

*Trình bày
Trần Tuấn Phong
Đồng Trưởng NCT Cơ sở hạ tầng*

A. DỰ THẢO LUẬT PPP SỬA ĐỔI

1. Luật điều chỉnh của bộ hợp đồng dự án

Luật PPP quy định luật điều chỉnh hợp đồng dự án và các hợp đồng, thỏa thuận ký với cơ quan nhà nước là luật VN; nếu luật VN không quy định thì có thể thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mà không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật VN (Điều 55). Quy định này chung chung và khó thực hiện. Trong thực tiễn huy động tài trợ vốn quốc tế, bên cho vay thường yêu cầu luật điều chỉnh là luật nước ngoài.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép lựa chọn luật điều chỉnh là luật nước ngoài phù hợp với quy định của Luật Đầu tư và Bộ luật Dân sự (BLDS) cho hợp đồng BOT, Bảo lãnh Chính phủ (GGU), thỏa thuận trực tiếp với bên cho vay, hợp đồng mua bao tiêu sản phẩm (hợp đồng mua bán điện, trừ hợp đồng thuê đất (LLA) phải được điều chỉnh bởi luật Việt Nam.

2. Cơ quan giải quyết tranh chấp của bộ hợp đồng dự án

Luật PPP không quy định về việc lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp trong hợp đồng dự án nói riêng và bộ hợp đồng dự án nói chung. Các bên đối tác Việt Nam không có cơ sở để đàm phán và thỏa thuận về cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế. Dự án được phát triển bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài trợ vốn quốc tế thường yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế (trừ LLA) do hợp đồng có tính chất thương mại và dự án có quy mô lớn và phức tạp.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép các bên được lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp bao gồm cả trọng tài quốc tế tại các hợp đồng trong bộ hợp đồng một cách thống nhất.

3. Biện pháp bảo đảm đối với bất động sản thông qua đại lý nhận bảo đảm trong nước

Luật Đất đai và BLDS không cho phép thế chấp bất động sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) (BDS) cho bên nhận thế chấp nước ngoài. Trong thực tiễn huy động tài trợ vốn quốc tế, bên cho vay nước ngoài yêu cầu thế chấp BDS là tài sản có giá trị lớn của dự án.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép công ty dự án được thế chấp BDS cho tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam là đại diện bên cho vay nước ngoài. Cơ chế này đảm bảo BDS không được thế chấp trực tiếp cho bên nhận thế chấp nước ngoài theo tinh thần của luật đất đai, và đáp ứng được yêu cầu của bên cho vay nước ngoài.

4. Các trường hợp chấm dứt trước hạn, nghĩa vụ mua lại dự án và thanh toán chấm dứt sớm (Khoản 12 Điều 3 của Dự thảo Luật)

Luật PPP chưa xử lý đầy đủ các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn (ví dụ chấm dứt do vi phạm của phía đối tác Việt Nam khác (bên mua bao tiêu sản phẩm hoặc đối tác dự án Việt Nam khác (ngoài Cơ quan ký kết hợp đồng dự án)), lỗi của doanh nghiệp dự án, các sự kiện do hoặc liên quan đến Chính phủ (Sự kiện Chính phủ) hay sự kiện bất khả kháng tự nhiên. Pháp luật về PPP chưa có quy định về các nguyên tắc, công thức và cách thức để xác định khoản thanh toán chấm dứt trong các trường hợp chấm dứt khác nhau, là cơ sở cần thiết để các bên thỏa thuận và ghi nhận trong bộ hợp đồng dự án.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất quy định Chính phủ có quyền lựa chọn mua lại dự án khi có lỗi của doanh nghiệp dự án, và có nghĩa vụ mua lại dự án trong các trường hợp chấm dứt khác. Các nguyên tắc và công thức xác định khoản thanh toán chấm dứt được thỏa thuận tại hợp đồng dự án cho các trường hợp chấm dứt.

5. Thay đổi luật

Luật PPP chưa quy định đầy đủ, toàn diện và cụ thể về cơ chế bảo đảm trong trường hợp thay đổi pháp luật. Hiện tại Luật PPP mới chỉ quy định cơ chế điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, sửa đổi hợp đồng dự án, hoặc điều chỉnh thời hạn hợp đồng khi thay đổi luật (điểm b khoản 1 Điều 18, điểm c khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 1 Điều 50, điểm d khoản 3 Điều 51 và điểm b khoản 2 Điều 82), cùng các điều kiện phức tạp và khó khả thi để nhà đầu tư được bù đắp trong trường hợp thay đổi luật làm giảm doanh thu của dự án (Khoản 2 Điều 82).

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất quy định cho phép các bên của hợp đồng dự án PPP được thỏa thuận cơ chế xử lý đầy đủ và toàn diện trong trường hợp thay đổi pháp luật (có lợi và bất lợi). Trong trường hợp thay đổi luật bất lợi thì cho phép hoặc quy định bất lợi không áp dụng cho dự án hoặc bù đắp cho phần thiệt hại kinh tế do thay đổi luật bất lợi bao gồm cả việc kéo dài thời hạn vận hành của dự án và tăng giá phí.

6. Chia sẻ doanh thu (Khoản 14 và 16 Điều 3 của Dự thảo)

Luật PPP hiện tại quy định các trường hợp chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu và thủ tục cũng như điều kiện phức tạp để thực hiện việc chia sẻ. Quy định này khó thực hiện trên thực tế và cần xem xét tính phù hợp với từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất quy định cơ chế cơ sở doanh thu nên là một cơ chế khuyến khích và được lựa chọn phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên thay vì có hiệu lực áp dụng bắt buộc. Chia sẻ doanh thu giảm là một cơ chế “bù đắp” cho nhà đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật và chính sách. Tuy nhiên, như trình bày ở Điểm 5, cơ chế này nên tách bạch với cơ chế thay đổi luật.

7. Bảo lãnh Chính phủ/đảm bảo của Nhà nước

Ngoài bảo đảm cân đối ngoại tệ (Điều 81 Luật PPP), pháp luật về PPP không quy định cụ thể về phạm vi, nội dung và hình thức của các bảo đảm khác của Nhà nước mà dẫn chiếu sang pháp luật đầu tư đối với các nội dung đó (Điều 80.1 Luật PPP). Luật đầu tư không quy định cụ thể các bảo đảm của Nhà nước vốn rất quan trọng, đóng vai trò quyết định đối với năng lực huy động vốn và tính khả thi và sự thành công của các dự án (Điều 11.2 Luật Đầu tư và Điều 3 Nghị định 31/2021).

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép các dự án (bao gồm cả các dự án đã được chấp thuận nhà đầu tư trước ngày Luật PPP có hiệu lực) theo cơ cấu tài trợ dự án quốc tế được áp dụng các bảo lãnh Chính phủ về: (i) Các nghĩa vụ thanh toán và các cam kết tài chính khác của cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước với thời hạn bảo lãnh là toàn bộ thời hạn của dự án (đối với PPA là 15 đến 18 năm (phụ thuộc vào nhiên liệu) kể từ ngày nhà máy điện vận hành thương mại) và (ii) hỗ trợ chuyển đổi ngoại tệ đối với 70% doanh thu bằng đồng Việt Nam còn lại (bên cạnh việc chuyển đổi ngoại tệ đối với 30% doanh thu của dự án (sau khi trừ đi khoản chi tiêu bằng đồng Việt Nam)).

8. Cơ chế ngoại hối

Dự án tài trợ vốn quốc tế và có chi phí phải trả cho các bên nước ngoài cần có nguồn ngoại tệ ổn định để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán. Như vậy, doanh thu của doanh nghiệp dự án cần tránh bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá hối đoái (USD/VNĐ) trong thời hạn của Hợp đồng BOT. Pháp luật về ngoại hối quy định giao dịch giữa các bên là người cư trú đều phải ghi giá và thực hiện bằng VNĐ, trừ các trường hợp ngoại lệ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép các dự án nguồn điện theo cơ cấu tài trợ dự án quốc tế được ghi giá và thanh toán bằng ngoại tệ hoặc ghi giá bằng ngoại tệ và thanh toán bằng tiền VNĐ trên tỷ giá hối đoái áp dụng tại ngày thanh toán trong bộ hợp đồng dự án.

9. Bất khả kháng, bao gồm Sự kiện Chính phủ và Sự kiện BKK tự nhiên

(i) Sự kiện Chính phủ

Nhà đầu tư, các bên tài trợ vốn cần được bảo vệ khi các sự kiện liên quan đến chiến tranh, khó khăn chung về lao động, không được cấp phép, quốc hữu hóa, thay đổi về quy hoạch, chính sách, hoặc quyết định, chỉ thị, yêu cầu, vi phạm hợp đồng, thực hiện hoặc không thực hiện đúng với trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc các sự kiện bất lợi khác liên quan đến Nhà nước (gọi chung là các “Sự kiện Chính phủ”) xảy ra trong thời hạn dự án ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích kinh tế hoặc tính khả thi của dự án.

Luật PPP không có quy định về các cơ chế bù đắp, bồi thường trực tiếp đối với các tổn thất kinh tế mà nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án phải gánh chịu do Sự kiện Chính phủ. Cơ chế kéo dài thời hạn hợp đồng dự án cũng chỉ áp dụng hạn chế đối với một số trường hợp, mà không bao gồm các Sự kiện Chính phủ khác như thông lệ quốc tế phổ biến.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép các dự án nguồn điện theo cơ cấu tài trợ dự án quốc tế được áp dụng cơ chế bảo đảm đối với Sự kiện Chính phủ bằng việc thanh toán cho nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP phí công suất, thanh toán các chi phí cấp vốn và chi phí xây dựng, các khoản bồi thường thiệt hại khác và khoản thanh toán chấm dứt.

(ii) Sự kiện Bất khả kháng Tự nhiên

Luật PPP không có quy định cụ thể các cơ chế xử lý đối với các Sự kiện Bất khả kháng Tự nhiên (xảy ra trong các giai đoạn khác nhau của dự án hoặc gây ảnh hưởng đến các bên khác nhau). Các rủi ro này cần được xác định và xử lý tương ứng với từng giai đoạn của dự án (xây dựng, vận hành thử, vận hành thương mại), với các biện pháp xử lý phù hợp với các tình huống khác nhau (bao gồm việc gia hạn ngày vận hành thương mại, bù đắp chi phí, ngày vận hành thương mại ngầm định, thanh toán tiền điện, v.v).

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất cho phép các dự án nguồn điện theo cơ cấu tài trợ dự án quốc tế được áp dụng cơ chế bảo đảm đối với Sự kiện Bất khả kháng Tự nhiên đầy đủ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu của cơ cấu tài trợ dự án quốc tế.

10. Báo cáo NCKT và Báo cáo Thẩm định Báo cáo NCKT của dự án PPP

Theo Luật PPP và Nghị định 35, Báo cáo NCKT phải nêu các ưu đãi đầu tư, hình thức đảm bảo đầu tư và cơ chế chia sẻ rủi ro cần thiết cho dự án và chấp thuận tương ứng thì mới được xem xét về tính khả thi của dự án. Quy định và hướng áp dụng như vậy đã gây khó khăn cho không chỉ nhà đầu tư mà còn các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo NCKT, và làm chậm tiến độ chung của toàn bộ dự án. Việc đề xuất và xin phê duyệt các ưu đãi, đảm bảo đầu tư và cơ chế chia sẻ rủi ro này mất rất nhiều thời gian và được thực hiện đồng thời với quá trình đàm phán nội dung hợp đồng dự án, là giai đoạn sau khi dự án đã được phê duyệt Báo cáo NCKT.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất quy định linh hoạt, theo đó Báo cáo NCKT được lập và phê duyệt theo hướng mở, ghi nhận các ưu đãi, đảm bảo đầu tư và các quyền khác của nhà đầu tư có thể có theo quy định của pháp luật và phụ thuộc vào các chấp thuận, phê duyệt cụ thể của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong giai đoạn đàm phán và hoàn thiện bộ hợp đồng dự án sau khi Báo cáo NCKT đã được phê duyệt.

11. Điều khoản chuyển tiếp của Luật PPP (Khoản 18 Điều 3 của Dự thảo)

Luật PPP quy định điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo hợp đồng dự án đã được ký tắt hoặc đã ký kết. Tuy nhiên, dự án được thực hiện trên cơ sở “bộ” hợp đồng dự án trong đó các hợp đồng được đàm phán và thỏa thuận thống nhất và phù hợp với hợp đồng dự án. Nếu chỉ quy định hợp đồng dự án được hưởng cơ chế chuyển tiếp thì không hợp lý.

Dự thảo Luật chưa giải quyết. Đề xuất quy định rõ điều khoản chuyển tiếp áp dụng với “bộ” hợp đồng dự án thay vì “hợp đồng dự án” để đảm bảo sự ổn định thực hiện của các dự án chuyển tiếp.

B. DỰ THẢO LUẬT ĐẦU THẦU SỬA ĐỔI

1. Hệ thống hóa các luật có liên quan đến đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư

Bên cạnh Luật Đấu thầu, các nội dung về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư được quy định ở nhiều luật khác. Hiện tại, Luật Đấu thầu (Điều 3) mới chỉ xử lý mối quan hệ cụ thể với Luật PPP và pháp luật dầu khí.

Luật Đấu thầu nên có quy định xử lý mối quan hệ cụ thể với các luật có liên quan khác, bao gồm cả Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Điện lực (đang trong quá trình sửa đổi toàn diện). Luật Đấu thầu nên phân định phạm vi các vấn đề, các khâu trong đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư được quy định tại Luật Đấu thầu và tại các luật khác.

2. Thủ tục mời quan tâm

Đây là thủ tục quan trọng để xác định việc có cần thực hiện quy trình đấu thầu rộng rãi hay có thể chỉ định, chấp thuận ngay nhà đầu tư duy nhất đáp ứng yêu cầu.

Hiện tại, Luật Đấu thầu (Điều 46.2) quy định chung như sau: trường hợp pháp luật đất đai, pháp luật chuyên ngành quy định phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm, ngoài các bước quy định tại khoản 1 Điều 46 (chuẩn bị, tổ chức đấu thầu), cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục mời quan tâm trước khi thực hiện bước chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

Luật Đấu thầu nên quy định rõ thủ tục mời quan tâm được thực hiện trước (nếu không thì không có cơ sở xác định được có từ 02 nhà đầu tư quan tâm trở lên), và sau khi hoàn thành thủ tục mời quan tâm mà chỉ có 1 nhà đầu tư quan tâm và đáp ứng điều kiện thì được lựa chọn và phê duyệt là nhà đầu tư thực hiện dự án.

3. Dự án do nhà đầu tư đề xuất

Thực tế cho thấy bên cạnh các dự án do cơ quan nhà nước công bố, có nhiều dự án do nhà đầu tư chủ động đề xuất. Hiện tại, Luật Đấu thầu (các Điều 46.1 và 47) mới chỉ quy định trường hợp cơ quan nhà nước công bố dự án, trong đó có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và các thông tin cơ bản của dự án.

Luật Đấu thầu nên quy định cụ thể cơ chế xử lý trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, trong đó có báo cáo nghiên cứu tiền khả thi do nhà đầu tư lập được xem xét làm cơ sở lập hồ sơ mời quan tâm (và sau đó là hồ sơ mời thầu, nếu áp dụng). Nhà đầu tư đề xuất dự án (và có báo cáo tiền khả thi được duyệt) nên được ưu tiên trong việc xem xét, lựa chọn nhà đầu tư.